

Số: 3628 /SGDDĐT-KHTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2021

V/v báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

Thực hiện Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19 (Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND); Công văn số 10927/VP-KGVX ngày 12/10/2021 của Văn phòng UBND Thành phố về việc thực hiện các Nghị quyết của HĐND Thành phố khóa XVI kỳ họp thứ 2 liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Để có số liệu báo cáo UBND Thành phố giao và phân bổ kinh phí hỗ trợ cho các quận, huyện, thị xã theo quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị UBND các quận, huyện, thị xã báo cáo nhu cầu kinh phí để thực hiện cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19 theo quy định tại Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

- Biểu mẫu báo cáo: Theo các biểu mẫu gửi kèm.


- Thời gian gửi báo cáo: Báo cáo gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 26/10/2021** (qua phòng Kế hoạch Tài chính), đồng thời gửi file báo cáo về địa chỉ email: kh-tc@hanoiedu.vn.

Trong quá trình tổng hợp số liệu, nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ với đồng chí Trần Duy Hà, điện thoại 0912 628 537. Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị UBND các quận, huyện, thị xã quan tâm phối hợp thực hiện.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Phòng GDĐT quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC *ph*

Trần Thế Cường

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 08/2021/NQ-HĐND NGÀY 23/9/2021 CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Đối với cấp học Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi) năm học 2021-2021

Số TT	Tên đơn vị	Số học sinh được hỗ trợ học phí			Mức hỗ trợ hàng tháng (đồng) (theo quy định tại Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố)			Số tháng hỗ trợ		Nhu cầu kinh phí hỗ trợ (đồng)		
		Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh không thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh không thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Cộng
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = ((1)*(4)+(2)*(5)-(3)*(6))* (7)	(9) = ((1)*(4)+(2)*(5)+(3)*(6))* (8)	(11)= (9)+(10)
TỔNG CỘNG												
I	Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn theo phân cấp quản lý											
	Trường ...											
II	Các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn theo phân cấp quản lý											
	Trường ...											

- Ghi chú:**
- Không bao gồm các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục công lập thuộc các Bộ, trường Đại học, Cao đẳng, Viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội.
 - Đối với học sinh đã hưởng chế độ không phải đóng học phí, miễn học phí theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; đối tượng học sinh được hỗ trợ 100% học phí theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội và các văn bản liên quan sẽ không được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố.
 - Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian học sinh học thực tế (bao gồm thời gian học theo hình thức trực tiếp, trực tuyến), tối đa không quá 9 tháng/năm học 2021-2022 (năm 2021 tối đa 04 tháng, năm 2022 tối đa 05 tháng).
 - Đối với cấp học Nhà trẻ, Mẫu giáo: Thời gian hỗ trợ chỉ tính thời gian trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường (dự kiến học sinh theo học trực tiếp tại trường từ tháng 11/2021 để làm căn cứ xây dựng dự toán; căn cứ quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc cho phép học sinh đi học trực tiếp tại trường, các đơn vị thực hiện chi trả theo thực tế, đúng quy định).

Người lập

Trưởng phòng GDDT

Ngày tháng năm 2021
TM. UBND quận, huyện, thị xã...
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 08/2021/NQ-HĐND NGÀY 23/9/2021 CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Đối với trẻ em mầm non 05 tuổi năm học 2021-2021

Số TT	Tên đơn vị	Số học sinh được hỗ trợ học phí						Mức hỗ trợ hàng tháng (đồng) (theo quy định tại Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố)		Số tháng hỗ trợ			Nhu cầu kinh phí hỗ trợ (đồng)		
		Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh không thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh không thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Cộng			
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = {(1)*(4)+(2)*(5)+(3)*(6)}*(7)	(9) = {(1)*(4)+(2)*(5)+(3)*(6)}*(8)	(11) = (9)+(10)			
TỔNG CỘNG															
I	Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn theo phân cấp quản lý														
	Trường ...														
														
II	Các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn theo phân cấp quản lý														
	Trường ...														
														

Ghi chú:

-Không bao gồm các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục công lập thuộc các Bộ, trường Đại học, Cao đẳng, Viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

-Đối với học sinh đã hưởng chế độ không phải đóng học phí, miễn học phí theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; đối tượng học sinh được hỗ trợ 100% học phí theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội và các văn bản liên quan sẽ không được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố.

-Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian học sinh học thực tế (bao gồm thời gian học theo hình thức trực tiếp, trực tuyến), tối đa không quá 9 tháng/năm học 2021-2022 (năm 2021 tối đa 04 tháng, năm 2022 tối đa 05 tháng).

-Đối với cấp học Nhà trẻ, Mẫu giáo: Thời gian hỗ trợ chỉ tính thời gian trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường (dự kiến học sinh theo học trực tiếp tại trường từ tháng 11/2021 để làm căn cứ xây dựng dự toán; căn cứ quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc cho phép học sinh đi học trực tiếp tại trường, các đơn vị thực hiện chi trả theo thực tế, đúng quy định).

Người lập

Trưởng phòng GDDT

Ngày tháng năm 2021
TM. UBND quận, huyện, thị xã...
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 08/2021/NQ-HĐND NGÀY 23/9/2021 CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Đối với học sinh tiểu học năm học 2021-2021

Số TT	Tên đơn vị	Số học sinh được hỗ trợ học phí				Mức hỗ trợ hàng tháng (đồng)				Số tháng hỗ trợ				Nhu cầu kinh phí hỗ trợ (đồng)			
		Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh không thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh không thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh không thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh không thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)	Trong thời gian học sinh học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tiếp tại trường	Năm 2021	Năm 2022	(14) = (10)+(11)+(12)+(13)+(14)	(15)=(13)+(14)
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
TỔNG CỘNG																	
I	Các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn theo phân cấp quản lý																
Trưởng ...																	
.....																	
II	Các cơ sở giáo dục tư thục trên địa bàn theo phân cấp quản lý																
Trưởng ...																	
.....																	

Ghi chú:

- Không bao gồm các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục công lập thuộc các Bộ, trường Đại học, Cao đẳng, Viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Đối với học sinh đã hưởng chế độ không phải đóng học phí, miễn học phí theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; đối tượng học sinh được hỗ trợ 100% học phí theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ôn định cuộc sống của thành phố Hà Nội và các văn bản liên quan sẽ không được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố.
- Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian học sinh học thực tế (bao gồm thời gian học theo hình thức trực tiếp, trực tuyến), tối đa không quá 9 tháng/năm học 2021-2022 (năm 2021 tối đa 04 tháng, năm 2022 tối đa 05 tháng).
- Thời gian học sinh học trực tuyến (Online) tạm tính dự toán 02 tháng năm 2021 (gồm tháng 9 và tháng 10/2021) để làm căn cứ xây dựng dự toán; căn cứ quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc cho phép học sinh đi học trực tiếp tại trường, các đơn vị thực hiện chi trả theo thực tế, đúng quy định.

Người lập

Trưởng phòng GDĐT

Ngày tháng năm 2021
T.M. UBND quận, huyện, thị xã...
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 08/2021/NQ-HĐND NGÀY 23/9/2021 CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Đối với học sinh trung học cơ sở năm học 2021-2021

Số TT	Tên đơn vị	Số học sinh được hỗ trợ học phí		(theo quy định tại Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố)		Mức hỗ trợ hàng tháng (đồng)		Số tháng hỗ trợ		Nhu cầu kinh phí hỗ trợ (đồng)				
		Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh không thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh không thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Năm 2021	Năm 2022	(15) = (13) + (14)		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13) = (11) + (12)
TỔNG CỘNG														
I	Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn theo phân cấp quản lý													
Trưởng ...														
II	Các cơ sở giáo dục tư thục trên địa bàn theo phân cấp quản lý													
Trưởng ...														

Ghi chú:

- Không bao gồm các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục công lập thuộc các Bộ, trường Đại học, Cao đẳng, Viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Đối với học sinh đã hưởng chế độ không phải đóng học phí, miễn học phí theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; đối tượng học sinh được hỗ trợ 100% học phí theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ôn định cuộc sống của thành phố Hà Nội và các văn bản liên quan sẽ không được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố.
- Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian học sinh học theo hình thức trực tiếp, trực tuyến), (tối đa không quá 9 tháng/năm học 2021-2022 (năm 2021 tối đa 04 tháng, năm 2022 tối đa 05 tháng).
- Thời gian học sinh học trực tuyến (Online) tạm tính dự toán 02 tháng năm 2021 (gồm tháng 9 và tháng 10/2021) để làm căn cứ xây dựng dự toán; căn cứ quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc cho phép học sinh đi học trực tiếp tại trường, các đơn vị thực hiện chi trả theo thực tế, đúng quy định.

Người lập

Trưởng phòng GDĐT

Ngày tháng năm 2021
TM. UBND quận, huyện, thị xã...
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 08/2021/NQ-HĐND NGÀY 23/9/2021 CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Đối với học sinh giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông năm học 2021-2021

Số TT	Tên đơn vị	Số học sinh được hỗ trợ học phí			Mức hỗ trợ hàng tháng (đồng)			Số tháng hỗ trợ			Nhu cầu kinh phí hỗ trợ (đồng)				
		Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh không thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh không thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh không thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh không thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022			
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13) = (01) * (04) + (02) * (05) + (03) * (06) + (04) * (07) + (05) * (08) + (06) * (09) + (07) * (10) + (08) * (11) + (09) * (12)	(14) = (13) * (14)
1	TỔNG CỘNG														
2	Học sinh giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở														
2	Học sinh giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông														

Ghi chú:

- Học sinh giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông là học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Đối với học sinh đã hưởng chế độ không phải đóng học phí, miễn học phí theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; đối tượng học sinh được hỗ trợ 100% học phí theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội và các văn bản liên quan sẽ không được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố.
- Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian học sinh học theo hình thức trực tiếp, trực tuyến), tối đa không quá 9 tháng/năm học 2021-2022 (năm 2021 tối đa 04 tháng, năm 2022 tối đa 05 tháng).
- Thời gian học sinh học trực tuyến (Online) tạm tính dự toán 02 tháng năm 2021 (gồm tháng 9 và tháng 10/2021) để làm căn cứ xây dựng dự toán; căn cứ quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc cho phép học sinh đi học trực tiếp tại trường, các đơn vị thực hiện chi trả theo thực tế, đúng quy định.

Người lập

Trưởng phòng GDDT

Ngày tháng năm 2021
TM. UBND quận, huyện, thị xã...
(Ký tên, đóng dấu)

**TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 08/2021/NQ-HĐND NGÀY 23/9/2021 CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số TT	Tên đơn vị	Số học sinh được hỗ trợ học phí			Nhu cầu kinh phí hỗ trợ (đồng)		
		Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh thuộc đối tượng được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Học sinh không thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Năm 2021	Năm 2022	Cộng
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)+(5)
1	Đối với cấp học Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi) năm học 2021-2021	-	-	-	-	-	-
a	Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn theo phân cấp quản lý	-	-	-	-	-	-
b	Các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn theo phân cấp quản lý	-	-	-	-	-	-
2	Đối với trẻ em mầm non 05 tuổi năm học 2021-2021	-	-	-	-	-	-
a	Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn theo phân cấp quản lý	-	-	-	-	-	-
b	Các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn theo phân cấp quản lý	-	-	-	-	-	-
3	Đối với học sinh tiểu học năm học 2021-2021	-	-	-	-	-	-
a	Các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn theo phân cấp quản lý	-	-	-	-	-	-
b	Các cơ sở giáo dục tư thục trên địa bàn theo phân cấp quản lý	-	-	-	-	-	-
4	Đối với học sinh trung học cơ sở năm học 2021-2021	-	-	-	-	-	-
a	Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn theo phân cấp quản lý	-	-	-	-	-	-
b	Các cơ sở giáo dục tư thục trên địa bàn theo phân cấp quản lý	-	-	-	-	-	-
5	Đối với học sinh giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông năm học 2021-2021	-	-	-	-	-	-
a	Học sinh giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	-	-	-	-	-	-
b	Học sinh giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	-	-	-	-	-	-
	TỔNG CỘNG	-	-	-	-	-	-
a	Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn theo phân cấp quản lý	-	-	-	-	-	-
b	Các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn theo phân cấp quản lý	-	-	-	-	-	-

Người lập

Trưởng phòng GDĐT

Ngày tháng năm 2021
TM. UBND quận, huyện, thị xã...
(Ký tên, đóng dấu)